**SẢN PHẨM THỰC HÀNH**

**TRƯỜNG THCS TÂN CHÂU**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | **%Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | | |
| **TNKQ** | **TL** | **Thời gian** | **TNKQ** | **TL** | **Thời gian** | **TNKQ** | **TL** | **Thời gian** | **TNKQ** | **TL** | **Thời gian** | **TN** | **TL** | **Thời gian** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận/ thơ tự do, thơ năm chữ | **3** | **0** |  | **1** | **2** |  | **0** | **1** |  | **0** |  |  | **4** | **3** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận văn học | 0 | 1\* |  | 0 | 1\* |  | 0 | 1\* |  | 0 | 1\* |  |  | 1 |  | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** |  | ***0,5*** | ***20 +15*** |  | ***0*** | ***30*** |  | ***0*** | ***10*** |  | ***4*** | **4** |  |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | |  | **40%** | |  | **30%** | |  | **10%** | |  |  |  |  | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | | | **40%** | | | | | |  |  |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.  - Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).  - Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.  - Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.  - Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận. | 3 TN | 1 TN  2TL | 1TL |  |
| 2. Thơ tự do, thơ năm chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ tự do, thơ năm chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ.  - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.  - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản.  - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.  - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố trong thơ.  **Vận dụng**:  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại.  - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản  - Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát. |
| **2** | **Viết** | 1. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL |
|  |  | 2. Phân tích một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của tác phẩm. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **1TN**  **2TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Lòng tự trọng nằm ngay trong bản thân mỗi người(1). Nó là người thầy, người bạn, người hộ vệ thân thiết và chân thành nhất của chúng ta(2). Lòng tự trọng giúp ta biết cách hành xử đúng mực cũng như luôn dũng cảm trong việc đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác(3).*

*Mọi sự khôn ngoan đều bắt đầu từ lòng tự trọng(4). Với lòng tự trọng, bạn sẽ trở nên năng động và can đảm, sẵn sàng tiến về phía trước để mở lối cho những người đi sau(5). Lòng tự trọng bắt nguồn từ việc bạn yêu thương và tôn trọng chính bản thân mình(6). Quả thật, nếu không tôn trọng chính mình, làm sao bạn có thể học được cách yêu thương và tôn trọng người khác(7).*

(*Goerge Matthew Adams - Không gì là không thể,* Thu Hằng dịch,

NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2017, tr. 27)

**Câu 1*:*** Đoạn trích sử dụng cách lập luận nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Diễn dịch | B. Quy nạp |
| C. Tổng hợp | D. Song hành |

**Câu 2*:*** Câu (1) liên kết với câu (2) bằng phép liên kết nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép nối | B. Phép lặp |
| C. Phép thế | D. Phép đồng nghĩa |

**Câu 3:** Câu văn sau: *Quả thật, nếu không tôn trọng chính mình, làm sao bạn có thể học được cách yêu thương và tôn trọng người khác,* sử dụng thành phần biệt lập gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thành phần cảm thán | B. Thành phần phụ chú |
| C. Thành phần gọi đáp | D. Thành phần tình thái |

**Câu 4:** Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu văn:*Lòng tự trọng nằm ngay trong bản thân mỗi người* thuộc kiểu câu gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Câu đơn | B. Câu ghép |
| C. Câu đặc biệt | D. Câu rút gọn |

**Câu 5 *:***Dựa vào đoạn trích, em hãy cho biết: Nếu không có lòng tự trọng, con người sẽ trở nên như thế nào?

**Câu 6*:*** Em có đồng ý với ý kiến "*Lòng tự trọng bắt nguồn từ việc bạn yêu thương và tôn trọng chính bản thân mình"* không? Vì sao?

**Câu 7:** Viết đoạn văn (khoảng 8 đến 10 câu) về ý nghĩa của lòng tự trọng trong cuộc sống trong đoạn văn có sử dụng thành phần khởi ngữ, gạch chân thành phần khởi ngữ.

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*"...Bão bùng thân bọc lấy thân,  
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.  
Thương nhau tre không ở riêng,  
Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người.  
Chẳng may thân gãy cành rơi,  
Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.  
Nòi tre đâu chịu mọc cong,  
Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.  
Lưng trần phơi nắng phơi sương,  
Có manh áo cộc tre nhường cho con."*

(Trích *Tre Việt Nam, Nguyễn Duy)*

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 9**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| **1** | **B** | **0,5** |
| **2** | **C** | **0,5** |
| **3** | **D** | **0,5** |
| **4** | **A** | **0,5** |
| **5** | - Nếu không có lòng tự trọng chúng ta sẽ trở nên thiếu khôn ngoan, không có đủ những hành động đúng mực, chuẩn xác, ta sẽ thiếu đi sự chủ động và can đảm trong cuộc sống. Từ đó, ta khó mà yêu thương, tôn trọng những giá trị của chính bản thân mình cũng như người khác. | **1,0** |
| **6** | Đồng ý/ không đồng ý hoặc có thể vừa đồng ý vừa không đồng ý: (0.25đ).  - Giải thích bằng nhiều luận cứ đúng đắn, xác đáng, có sức thuyết phục, không vi phạm đạo đức và pháp luật (0.75đ). | **1,0** |
| **7** | Viết đoạn văn (khoảng 8 đến 10 câu) về ý nghĩa của lòng tự trọng trong cuộc sống  trong đoạn văn có sử dụng thành phần khởi ngữ, gạch chân thành phần khởi ngữ |  |
| *a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn, đủ số câu theo yêu cầu, xác định đúng vấn đề nghị luận, triển khai hợp lí nội dung đoạn văn* | 0,25  0,25 |
| *b. Có sử dụng khởi ngữ gạch chân được khởi ngữ* |
| 1. Giải thích  - Lòng tự trọng là ý thức biết coi trọng và giữ gìn phẩm chất nhân cách, danh dự của chính mình.  2. Phân tích, chứng minh những biểu hiện của lòng tự trọng  - Tự trọng là sống trung thực  - Tự trọng là hết lòng vì công việc; trung thực trong công tác, học tập  - Tự trọng là dám nhìn nhận sai trái, khuyết điểm của bản thân, sống trong sáng, thẳng thắn  - Tự trọng là biết giữ gìn phẩm giá, nhân cách  - Tự trọng là dám bênh vực lẽ phải dù có ảnh hưởng đến quyền lợi bản thân.  - Lòng tự trọng có nhiều mức độ: Tự trọng bản thân, tự trọng quốc thể, tự trọng dân tộc....  Dẫn chứng : *Nhà giáo Chu Văn An, Bác Hồ*  3. Vai trò, ý nghĩa  - Lòng tự trọng là thước đo nhân cách con người. Trong khó khăn thử thách, lòng tự trọng của con người càng làm đẹp con người. Con người không có lòng tự trọng sẽ trở nên vị kỷ, hèn hạ, sống giả dối.  - Con người sống có lòng tự trọng sẽ giúp cho xã hội phát triển, văn minh.  4. Phê phán  - Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người chưa có nhận thức, ý thức được những giá trị của bản thân và tự trọng về nó. Lại có những người vì những lợi ích trước mắt của bản thân mà tự hạ thấp mình, đánh mất đi lòng tự trọng vốn có,… những người này đáng bị xã hội lên án, phê phán.  5. Bàn bạc - mở rộng, giải pháp  - Cần phân biệt tự trọng với tự ái, tự cao, tự đại...  - Cần học tập, trau dồi, rèn luyện hàng ngày...  6. Bài học nhận thức và hành động  - Nhận thức: Lòng tự trọng làm nên giá trị bản thân của mỗi người, giúp con người luôn hướng đến những chuẩn mực chung của xã hội, làm những điều tốt đẹp, suy nghĩ những điều thiện, những điều tích cực...  - Mỗi con người cần bồi đắp cho mình cách sống tự trọng từ những việc làm nhỏ nhặt nhất trong cuộc sống hàng ngày. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | *d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận* | 0,25 |

**II. PHẦN VIẾT**

**1. Yêu cầu về kĩ năng:**

Biết làm bài văn nghị luận về một đoạn trích thơ. Có kiến thức vững chắc về văn bản: Tre Việt Nam của Nguyễn Duy. Văn viết có tính khái quát; có cảm xúc, hình ảnh; bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ; không mắc lỗi về dùng từ, chính tả, diễn đạt, kiến thức và ngữ pháp.

**2. Yêu cầu về kiến thức và cách cho điểm:**

- Có thể có nhiều cách trình bày nhưng bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản trong Hướng dẫn chấm.

- Những bài làm có hướng đi khác nhưng phù hợp, thuyết phục vẫn chấp nhận.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Điểm** |
| 2 | ***a. Đảm bảo cấu trúc của bài nghị luận:*** Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mỗi phần làm đúng nhiệm vụ của mình. | **0,25** |
| ***b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận***: Phân tích vẻ đẹp và phẩm chất của Cây tre trong bài thơ Tre Việt Nam - Nguyễn Duy | **0,25** |
| ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm***; vận dụng tốt các thao tác lập luận (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, phản biện); kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.  - Thí sinh có thể có nhiều cách triển khai, miễn là hợp lý. *Cán bộ chấm thi có thể tham khảo gợi ý sau:* |  |
| **A. Mở bài**  - Giới thiệu về tác giả Nguyễn Duy  - Giới thiệu bài thơ:  + Bài thơ ca ngợi phẩm chất của cây tre tượng trưng cho con người Việt Nam  + Giới thiệu đoạn thơ: đoạn thơ là những biểu hiện cao đẹp về phẩm chất của cây tre cũng là của con người Việt Nam: Đoàn kết, yêu thương, sẻ chia, bất khuất, kiên cường, giàu đức hi sinh...  + Dẫn đoạn thơ | **0,25** |
| **B. Thân bài**  **1. LĐ 1: Mượn hình ảnh cây tre để ngợi ca tinh thần đoàn kết, đùm bọc, yêu thương, sẻ chia**  **và sức sống bất diệt của con người Việt Nam:**  Bão bùng thân bọc lấy thân, Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm. Thương nhau tre không ở riêng, Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người.  + Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa, kết hợp động từ,từ láy: miêu tả tre trong bão bùng thử thách luôn gắn kết che chở cho nhau không đứng một mình không ở riêng lẻ dù thân tre mong manh nhưng không một cơn bão, trận giông tố nào có thể quật ngã, tre vẫn tay ôm tay níu, gắn bó tạo nên thành lũy vững bền kiên cố cùng vượt qua khó khăn thử thách  →Tre là hình ảnh của cộng đồng dân tộc Việt Nam: đoàn kết tương thân, tương ái chiến thắng mọi gian nan.  + Thí sinh có thể liên hệ trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước và trong đời sống xã hội hiện nay( khi lũ lụt, dịch bệnh...)  Chẳng may thân gãy cành rơi,  Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng."  + Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa : Trong cuộc sống tre phải đối mặt với những hoạn nạn "thân gãy cành rơi" nhưng không bị tiêu diệt mà vẫn còn gốc truyền đời cho măng.  →Làm nổi bật sức sống quật cường, mãnh liệt của nhân dân ta và cho thấy niềm tự hào về truyền thống tương thân tương ái, yêu nước thương nhà của dân tộc Việt  + Liên hệ đến khó khăn thử thách dân tộc ta trải qua trong các cuộc đấu tranh, truyền thống cách mạng của cha ông truyền lại cho muôn đời sau | **0,5**  **0,5** |
|  | **2. LĐ 2: Tre là biểu tượng của chí khí hiên ngang, tinh thần bất khuất, đức hi sinh, tình mẫu tử cao đẹp**  "Nòi tre đâu chịu mọc cong, Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường. Lưng trần phơi nắng phơi sương, Có manh áo cộc tre nhường cho con."  + Nghệ thuật so sánh gợi hình ảnh măng tre nhọn hoắt như chông, tre từ khi còn là những búp măng đã vươn thẳng lên trời. Đây là một đặc trưng tiêu biểu của loài tre cũng là biểu tượng cho con người Việt Nam luôn kiên cường, dũng cảm, ngay thẳng, không chịu luồn cúi dù trong những hoàn cảnh khó khăn, thử thách nhất  +Hai dòng thơ: Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con biểu đạt tinh thần chịu thương chịu khó, hi sinh bản thân vì con của cây tre, cũng là của con người Việt Nam. Hình ảnh những lá bao bọc măng của tre được ẩn dụ thành manh áo cộc thể hiện sự nhường nhịn cho con. Cây tre như người mẹ yêu thương con, nhường nhịn cho con giống như người mẹ Việt Nam dù nghèo khó thiếu thốn nhưng luôn giàu đức hi sinh. Câu thơ còn là lời ngợi ca tình mẫu tử cao đẹp thiêng liêng. | **0,5**  **0,5** |
|  | **3. Đánh giá về nghệ thuật và nội dung**  - Nghệ thuật  + Thể thơ tự do, linh hoạt với mạch cảm xúc.  + Giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng  + Ngôn ngữ đơn giản, chân thực, hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, liệt kê...  - Nội dung  Mượn hình ảnh cây tre để khát quát thành biểu tượng về con người Việt Nam với những đức tính tốt đẹp: đoàn kết, nhân ái, kiên cường,bất khuất , ngay thẳng, dũng cảm giàu đức hi sinh, không chịu luồn cúi dù trong những hoàn cảnh khó khăn, thử thách nhất. | **0,25**  **0,25** |
|  | **C. Kết bài**  - Đánh giá khái quát nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ  - Liên hệ đến trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc | **0,25** |
|  | **\*Sáng tạo**  Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận | **0,5** |
|  | **Tổng phần II** | **4,0 điểm** |
|  | **Điểm toàn bài: I+II** | **10 điểm** |

**Lưu ý**: *Phần hướng dẫn chấm chỉ mang tính chất gợi ý. Tùy tình hình thực tế, giám khảo cho điểm linh hoạt. Đánh giá cao những bài làm sáng tạo, tư duy tốt.*